

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ VIETTEL**

-----\*\*\*-----

**Số 1 Giang Văn Minh, Ba Đình, Hà Nội**  
**Website: <http://www.vietteltuvanthietke.com.vn>**  
**Email: [kstk@viettel.com.vn](mailto:kstk@viettel.com.vn)**

# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

## **NĂM 2012**

**Phụ lục số II**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 52/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)*

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2013

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ VIETTEL**  
**Năm 2012**

**I.Thông tin chung:**

*1. Thông tin khái quát:*

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ VIETTEL**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: **0100109106-075**
- Vốn điều lệ: **16.000.000.000 đồng**
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: **16.000.000.000 đồng**
- Địa chỉ: **Số 1 Giang Văn Minh, P.Kim Mã, Q.Ba Đình, TP Hà Nội**
- Số điện thoại: **04.62660165/ 04.62660167**
- Số fax: **04.62660249**
- Website: **www.vietteltuvanthietke.com.vn**
- Email: **kstk@viettel.com.vn**

*2. Quá trình hình thành và phát triển:*

Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Viettel tiền thân là Xí nghiệp khảo sát thiết kế thuộc Tổng Công ty Viễn thông quân đội (nay là Tập đoàn Viễn thông Quân đội) được thành lập theo Quyết định số : 12/2006/QĐ-BQP ngày 12/01/2006 của Bộ trưởng Bộ Quốc Phòng.

Thực hiện chủ trương đổi mới và sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước của Đảng và Chính phủ, ngày 24/9/2008, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng đã ký Quyết định số 3008/QĐ-BQP về việc cổ phần hoá Công ty Tư vấn Thiết kế Viettel thuộc Tổng công ty Viễn thông Quân đội, đồng thời ra quyết định số 3345/QĐ-BQP ngày 20/10/2008 về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hoá Công ty Tư vấn Thiết kế Viettel thuộc Tổng công ty Viễn thông Quân Đội.

Ngày 28/10/2008, Ban chỉ đạo cổ phần hoá đã ký quyết định số 1257/QĐ-BCĐ về việc thành lập Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hoá Công ty Tư vấn Thiết kế Viettel thuộc Tổng công ty Viễn thông Quân đội.

Sau một thời gian khẩn trương triển khai công tác xác định giá trị doanh nghiệp, ngày 06/7/2009, Bộ quốc phòng đã ký quyết định số 2133/QĐ-BQP phê duyệt giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH nhà nước MTV. Trên cơ sở giá trị doanh nghiệp được phê duyệt, Ban chỉ đạo CPH đã chỉ đạo Công ty hoàn thiện phương án kinh doanh, phương án CPH, xác định vốn điều lệ & cơ cấu vốn điều lệ cho Công ty cổ phần.

Ngày 30/01/2010, Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Viettel được tổ chức thành công, với số vốn điều lệ là : 16.000.000.000 đồng.

Cơ cấu vốn : Tập đoàn Viễn thông Quân đội, là doanh nghiệp Nhà nước nắm giữ 1.088.000 cổ phần, tương ứng 10.880.000.000 đồng, chiếm 68%, còn lại là các cổ đông thiểu số.

Và Công ty đã có giấy phép đăng ký kinh doanh số 0100109106-075 do Sở Kế hoạch đầu tư Hà nội cấp ngày 23/3/2010, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 01 số 0100109106-075 ngày 27/09/2010.

### 3. *Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:*

- Ngành nghề kinh doanh chính:

- + Lập dự án đầu tư xây dựng công trình;
- + Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
- + Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu;
- + Thẩm tra dự án đầu tư, thiết kế và dự toán xây dựng công trình (trong lĩnh vực Công ty có chứng chỉ);
- + Thí nghiệm việc kiểm tra, đánh giá các đặc trưng kỹ thuật của đất xây dựng, vật liệu, kết cấu, cấu kiện sử dụng trong các công trình xây dựng;
- + Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp;
- + Thiết kế công trình thông tin, bưu chính viễn thông;
- + Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp;
- + Thiết kế kiến trúc công trình;
- + Thiết kế công trình đường bộ;
- + Giám sát thi công xây dựng công trình: lắp đặt thiết bị, công nghệ mạng thông tin bưu chính viễn thông;
- + Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp;
- + Khảo sát, đo đạc địa hình lập bản đồ công trình tỷ lệ  $\leq 1/2000$ ;
- + Khảo sát xây dựng, khoan phụt xử lý nền móng công trình xây dựng;
- + Khảo sát địa chất công trình;

Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

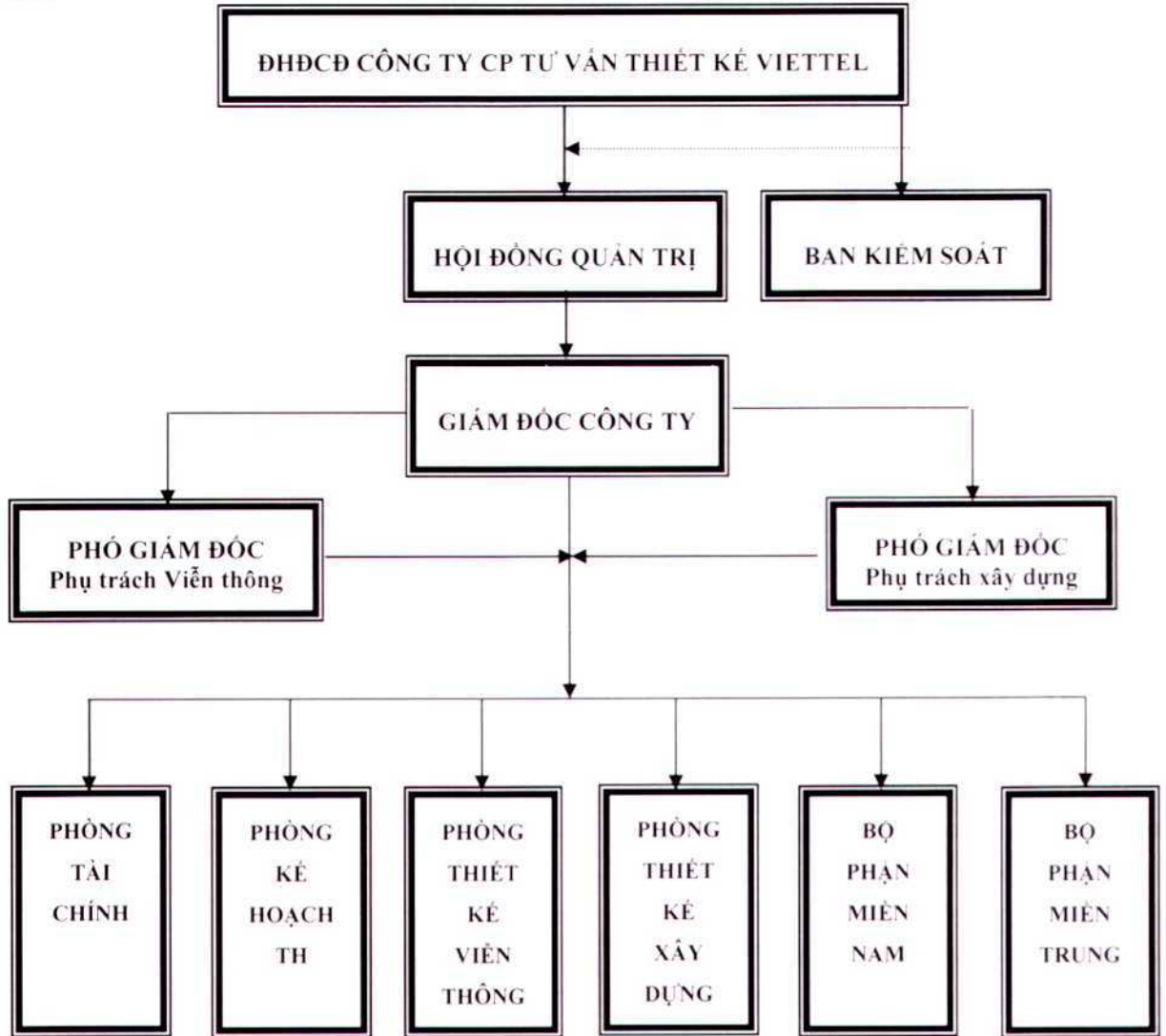
-Địa bàn kinh doanh: Chủ yếu là thị trường trong nước và một số nước do Tập đoàn Viễn Thông Quân Đội đã và đang xúc tiến đầu tư mạng viễn thông như : Campuchia, Peru, Mozambique.

### 4. *Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:*

- Mô hình quản trị.
- Cơ cấu bộ máy quản lý.



Sơ đồ:



- Công ty con, công ty liên kết: Không có

##### 5. Định hướng phát triển:

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty :

+ Xây dựng Bộ máy lãnh đạo, quản lý, mô hình tổ chức vững mạnh, nguồn nhân lực đáp ứng nhiệm vụ năm 2012 và những năm tiếp theo.

+ Tổ chức lực lượng triển khai các lĩnh vực tư vấn dự án : Tư vấn giám sát công trình, tư vấn chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực viễn thông.

+ Triển khai một số công việc mới : Khảo sát xây dựng, thiết kế kết cấu, kiến trúc xây dựng các tòa nhà trung tâm viễn thông huyện. Tư vấn thiết kế xây dựng công trình hạ tầng viễn thông khu đô thị mới, khu công nghiệp do Viettel làm chủ đầu tư.

+ Phần đầu hoàn thành khảo sát thiết kế 100% số trạm BTS 2G, 3G & mạng lưới trồng cột kéo cáp theo các Dự án Viettel triển khai.

+ Đẩy mạnh công tác kinh doanh, tìm kiếm - thực hiện các công trình bên ngoài Tập Đoàn, tăng dần tỷ trọng doanh thu kinh tế .

+ Xây dựng và đưa vào sử dụng trụ sở làm việc của Công ty tại Phía nam.  
+ Kế hoạch doanh thu năm 2012 đạt : 65,67 tỷ đồng, mục tiêu phấn đấu : 67 tỷ đồng.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn :

+ Nhằm khai thác hết lợi thế của doanh nghiệp, tăng tính hiệu quả đảm bảo phát triển bền vững , lâu dài và ổn định cho doanh nghiệp.

+ Công ty đã tiến hành củng cố, xây dựng, đào tạo lực lượng tiếp tục đi ra nước ngoài tiến hành công việc khảo sát thiết kế các công trình viễn thông, tạo tiền đề mở rộng thị trường ra nước ngoài trong thời gian tới.

- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty :

+ Không thực hiện các hoạt động gây ảnh hưởng đến môi trường và cộng đồng.

+ Tích cực tham gia các hoạt động xã hội từ thiện để góp phần đưa hình ảnh thân thiện của Công ty đến với mọi người.

6. Các rủi ro:

- Thị trường viễn thông trong nước đang dần bị bão hòa.

## **II. Tình hình hoạt động trong năm:**

### **1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:**

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

+ Doanh thu cả năm đạt : 67,33 tỷ tăng 7 % so với năm 2011

+ Lợi nhuận trước thuế đạt : 16,79 tỷ tăng 2,9 % so với năm 2011

+ Lợi nhuận sau thuế đạt : 12,56 tỷ

+ Không phát sinh các khoản công nợ khó đòi, tình hình tài chính lành mạnh.

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch :

+ Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ tăng 2,53 % /kế hoạch năm 2012

+ Lợi nhuận trước thuế cả năm đạt 16,79 đồng tăng 1,96 %/kế hoạch đề ra.

### **2. Tổ chức và nhân sự :**

- Danh sách Ban điều hành :

1/ Ông Lê Văn Chí - Chức vụ: Giám đốc Công ty, Thành viên HĐQT

Sinh năm : 1963

Số CMND: 85063230 do Tổng cục Chính trị/BQP cấp ngày 15/12/2009

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết : 10,497% (trong đó 10% đại diện cho Tập đoàn Viễn thông Quân đội (tương ứng với 160.000 cổ phần) : 0,497% do bản thân sở hữu (tương ứng với 7.947 cổ phần)

2/ Ông Võ Minh Đường - Chức vụ: Phó Giám đốc Công ty

Sinh năm : 1971

Số CMND: 011482616 do Công an Hà Nội cấp ngày 04/11/2005



Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết : 0,075% (do bản thân sở hữu tương ứng với 1.200 cổ phần)

3/ Ông Lê Hòa Miên - Chức vụ: Phó Giám đốc Công ty

Sinh năm : 1976

Số CMND: 024375209 do Công an TPHCM cấp ngày 20/07/2008

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết : 0,198% (do bản thân sở hữu tương ứng với 3.173 cổ phần)

4/ Bà Nguyễn Thị Tú Quyên - Chức vụ: Kế toán trưởng, Thành viên HĐQT

Sinh năm: 1967

Số CMND: 012299095 do Công an Hà Nội cấp ngày 16/11/2010

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết : 7,792% (trong đó 7% đại diện cho Tập đoàn Viễn thông Quân đội (tương ứng với 112.000 cổ phần) ; 0,792% do bản thân sở hữu (tương ứng với 12.674 cổ phần)

- Những thay đổi trong Ban điều hành: Không có

- Số lượng cán bộ, nhân viên: 68 người.

- Công ty luôn thực hiện nghiêm chỉnh các Quy định của Nhà nước về lao động, tiền lương, bảo hiểm; Thực hiện theo đúng thỏa ước lao động đã ký giữa người sử dụng lao động và tập thể người lao động.

### **3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:**

a. Các khoản đầu tư lớn:

Trong năm 2012, Công ty đã thực hiện công trình “Xây dựng trụ sở làm việc của Công ty tại lô H42, Khu tái định cư Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TP Hồ Chí Minh”. Công trình xây dựng đảm bảo chất lượng, đúng tiến độ góp phần ổn định chỗ làm việc tạo sự yên tâm công tác cho CBCNV của Công ty tại phía Nam.

b. Các công ty con, công ty liên kết : Không có

### **4. Tình hình tài chính:**

a) Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	55.559.628.907	59.676.919.300	+ 7,41
Doanh thu thuần	59.684.134.940	64.487.887.449	+ 8,05
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	16.313.040.000	16.777.952.755	+ 2,85
Lợi nhuận khác	0	12.439.189	
Lợi nhuận trước thuế	16.313.040.000	16.790.391.944	+ 2,92
Lợi nhuận sau thuế	12.216.780.000	12.560.577.992	+ 2,81
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (dự kiến)	19,65%	19,11%	

(Nguồn: BCTC năm 2011, 2012 đã được kiểm toán).

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Ghi chú
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	2,28	3,14	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	2,03	2,79	
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,39	0,28	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,65	0,38	
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	11,3	7,4	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,07	1,08	
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,2	0,19	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,36	0,29	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,22	0,21	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,27	0,26	

(Nguồn: BCTC năm 2011, 2012 đã được kiểm toán).

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

a) Cổ phần:

Tổng số cổ phần đang lưu hành : 1.600.000 cổ phần

Loại cổ phần đang lưu hành : Cổ phần phổ thông

Mệnh giá: 10.000đ/cổ phần

Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng: 512.000 cổ phần

Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng theo Điều lệ công ty: 1.088.000 cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông:

Cơ cấu cổ đông của Công ty CP Tư vấn Thiết kế Viettel theo danh sách cổ đông chốt đến ngày 31/12/2012 như sau:



Danh mục	Số lượng cổ đồng	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
<b>1. Cổ đông hạn chế chuyển nhượng</b>	<b>3</b>	<b>1.088.000</b>	<b>68,00</b>
- Hội đồng quản trị	3	1.088.000	68,00
<b>2. Cổ đông lớn (sở hữu &gt;5% tổng số CP)</b>	<b>1</b>	<b>1.088.000</b>	<b>68,00</b>
- Tập đoàn Viễn thông Quân Đội	1	1.088.000	68,00
<b>3. Thành phần cổ đông</b>	<b>421</b>	<b>1.600.000</b>	<b>100,00</b>
- Cá nhân trong nước	419	464.000	29,00
- Tổ chức trong nước	2	1.136.000	71,00

- c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có
- d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có
- e) Các chứng khoán khác: Không có

### **III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:**

#### **1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:**

Phân tích tổng quan về hoạt động của Công ty so với kế hoạch, dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây:

Năm 2012 là năm trong nước & trên toàn thế giới vẫn trong giai đoạn khó khăn, nền kinh tế suy giảm, lạm phát tăng cao nên cũng phần nào ảnh hưởng đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

Với sự cố gắng nỗ lực của Hội đồng Quản trị, của Ban Giám đốc & sự giám sát chặt chẽ, sát sao của Ban kiểm soát, sự đoàn kết, không ngừng học tập, sáng tạo, nắm bắt nhanh công nghệ mới, chủ động trong công việc của đội ngũ CBCNV Công ty, nên các chỉ tiêu cơ bản vẫn đạt và vượt mức so với kế hoạch và tăng trưởng so với năm 2011 như: tăng trưởng về doanh thu, lợi nhuận tăng, đảm bảo thu nhập của người lao động ổn định, cổ tức dự kiến 15%.

#### **Những tiến bộ công ty đã đạt được:**

- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Bộ máy hành chính của công ty gọn nhẹ, công ty tăng cường các biện pháp quản lý: tiết kiệm chi phí, quản lý chặt chẽ và tăng hiệu quả sử dụng vốn, tài sản mang lại hiệu quả cao.

- Công ty đã chủ động trong việc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm, quý, tháng & từng tuần. Triển khai thực hiện kế hoạch đã đề ra, thường xuyên kiểm tra, điều chỉnh linh hoạt kế hoạch cho phù hợp với tình hình thực tế tại đơn vị. Công tác giao ban, hội ý, giao việc được tổ chức định kỳ, thường xuyên, kịp thời, phân công



trách nhiệm cụ thể, đôn đốc sát sao để công việc được hoàn thành theo đúng tiến độ và đạt được hiệu quả cao.

- Công ty thường xuyên tổ chức các buổi trao đổi kinh nghiệm trong công việc, hàng tháng tổ chức các lớp học (cử các cán bộ có kinh nghiệm, trình độ chuyên môn cao để truyền đạt, hướng dẫn cho các đồng chí mới, kinh nghiệm còn hạn chế).

- Năm 2012 công ty tiếp tục điều chỉnh & áp dụng định mức lao động cho phù hợp với đặc điểm tình hình, đặc thù công việc nhằm thúc đẩy nâng cao năng suất lao động, tăng lợi nhuận tối đa, đời sống người lao động được nâng lên.

- Các biện pháp kiểm soát: công ty gắn trách nhiệm trực tiếp tới các phòng ban, các cá nhân về tính hiệu quả, quản lý chặt chẽ chi phí, các khoản công nợ phải thu, phải trả, tăng khả năng quay vòng vốn,....

## 2. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài sản:

Đơn vị tính : đồng

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Ghi chú
1. Tài sản ngắn hạn	49.968.177.349	51.985.706.178	
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	23.835.606.027	25.982.319.033	
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	20.560.369.298	20.116.297.499	
+ Hàng tồn kho	5.447.820.354	5.656.802.084	
+ Tài sản ngắn hạn khác	124.381.670	230.287.562	
2. Tài sản dài hạn	5.591.451.558	7.691.213.122	
+ Tài sản cố định	5.118.061.287	7.202.003.424	
+ Tài sản dài hạn khác	473.390.271	489.209.698	
<b>Tổng cộng tài sản :</b>	<b>55.559.628.907</b>	<b>59.676.919.300</b>	
3. Các chỉ tiêu đánh giá :			
Vòng quay tài sản	1,27	1,12	
Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	34,58%	29,14%	

(Nguồn: BCTC năm 2011, 2012 đã được kiểm toán).

b) Tình hình nợ phải trả:

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2011	31/12/2012
	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>21.880.651.381</b>	<b>16.576.590.532</b>
1.	Vay và nợ ngắn hạn	0	0
2.	Phải trả người bán	4.756.007.123	2.320.091.308
3.	Người mua trả tiền trước	173.400.828	454.314.100
4.	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	2.658.319.725	1.418.483.402
5.	Phải trả người lao động	10.644.598.358	6.974.620.605
6.	Chi phí phải trả	0	1.614.744.645
7.	Các khoản phải trả phải nộp khác	2.785.598.807	3.031.206.357
8.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	0	0
9.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	862.726.540	763.130.115
	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>6.219.950</b>	<b>0</b>
10.	Vay và nợ dài hạn		
11.	Phải trả dài hạn khác		
12.	Dự phòng trợ cấp mất việc	6.219.950	-
	<b>Tổng cộng</b>	<b>21.886.871.331</b>	<b>16.576.590.532</b>

(Nguồn: BCTC năm 2011, 2012 đã được kiểm toán).

Trong năm 2012 Công ty không có các khoản nợ xấu (bao gồm cả nợ phải thu và nợ phải trả), tình hình tài chính năm 2012 được đánh giá là lành mạnh, có hiệu quả.

### 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

### 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

### 5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: không.

## IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

### 1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

\* Doanh thu cả năm 2012 đạt : 67,33 tỷ tăng 7 % so với năm 2011, tăng 2,53% so với kế hoạch năm 2012

- Lợi nhuận trước thuế đạt : 16,79 tỷ tăng 2,9 % so với năm 2011, tăng 1,96% so với kế hoạch năm 2012

- Lợi nhuận sau thuế đạt : 12,56 tỷ



Năm 2012 Công ty đã thực hiện đúng các lĩnh vực đã đăng ký kinh doanh, sử dụng có hiệu quả nguồn vốn kinh doanh, lợi nhuận năm sau cao hơn năm trước.

Công ty đã tổ chức thu nộp đầy đủ các khoản phải nộp cho Ngân sách Nhà nước như : Thuế GTGT, thuế TNDN, thuế TNCN...đảm bảo theo đúng quy định của Pháp luật.

Công ty đã thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người lao động như chế độ lương, thưởng, đóng BHXH, BHYT, trích nộp KPCĐ đầy đủ, đúng quy định hiện hành.

## **2.Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:**

Ban Giám đốc Công ty đã luôn có sự cố gắng, nỗ lực trong việc điều hành hoạt động SXKD của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, điều lệ và định hướng phát triển của Công ty, góp phần hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2012 đạt các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận đã đề ra. Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ SXKD một cách khoa học, đạt hiệu quả cao, thúc đẩy tăng năng suất và chất lượng lao động. Đảm bảo chế độ lương, thưởng cho người lao động, tạo sự đoàn kết, gắn bó, đồng thuận cao trong nội bộ Công ty từ đó tạo động lực thúc đẩy Công ty tiếp tục phát triển trong những năm tiếp theo.

## **3.Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:**

- Hội đồng quản trị Công ty hoạt động với mục đích quản lý và điều hành đem lại lợi ích cao nhất cho các cổ đông của Công ty, do vậy để hoạt động của HĐQT ngày càng có hiệu quả các thành viên trong Hội đồng quản trị sẽ cố gắng nâng cao ý thức, tinh thần trách nhiệm đối với công việc mình được giao;
- HĐQT sẽ tiếp tục bám sát chiến lược, định hướng phát triển của Công ty để đề ra các quyết sách đúng đắn mang lại hiệu quả cao cho hoạt động SXKD của Công ty trong năm 2013 và những năm tiếp theo;
- Cử thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban giám đốc và một số vị trí chủ chốt khác trong Công ty tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng trình độ quản trị doanh nghiệp;
- Tiếp tục giám sát, điều hành hoạt động của Ban Giám đốc Công ty để đảm bảo mọi hoạt động của Công ty đều được thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật, điều lệ của Công ty và sử dụng có hiệu quả từng đồng vốn của các cổ đông Công ty.

## **V. Quản trị công ty:**

### **1.Hội đồng quản trị:**

a/ Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

- **Danh sách HĐQT**

Họ và tên	Chức vụ	Tỉ lệ sở hữu CP biểu quyết	Chức vụ tại Công ty khác
Hoàng Công Vĩnh	Chủ tịch HĐQT	51,097%	Phó TGD Tập đoàn VTQĐ Chủ tịch HĐQT Cty CP Công trình Viettel
Lê Văn Chí	Thành viên HĐQT/Giám đốc	10,497%	
Nguyễn Thị Tú Quyên	Thành viên HĐQT/Kế toán trưởng	7,792%	

b/ Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị Công ty không thành lập các tiểu ban trực thuộc.

c/ Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm qua HĐQT đã tiến hành 04 cuộc họp định kỳ để giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, thảo luận những vấn đề quan trọng liên quan đến chiến lược phát triển Công ty và triển khai thực hiện nghị quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012. HĐQT luôn chủ động, sâu sát chỉ đạo Ban điều hành Công ty theo dõi mọi hoạt động có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đảm bảo tuân thủ quy định của Pháp luật và kinh doanh có hiệu quả.

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	08/NQ-HĐQT	10/4/2012	Triệu tập đại hội đồng Cổ đông thường niên 2012
2	09/NQ-HĐQT	10/4/2012	Thành lập Ban kiểm tra tư cách Cổ đông phục vụ Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2012
3	14A/NQ-HĐQT	26/4/2012	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012
4	15/NQ-HĐQT	26/4/2012	Chi trả cổ tức năm 2011 bằng tiền
5	32B/QĐ- HĐQT-TVTK	2/5/2012	Quyết định về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật CT "Trụ sở Công ty CP Tư vấn Thiết kế Viettel tại TP HCM"
6	33B/QĐ-HĐQT-TVTK	3/5/2012	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch đấu thầu Gói thầu : Thi công xây dựng CT "Trụ sở Công ty CP Tư vấn Thiết kế Viettel tại TP HCM"
7	90/QĐ-HĐQT-TVTK	28/12/2012	Quyết định về việc áp dụng định mức chi phí thực hiện công trình
8	16 /QĐ-HĐQT- TVTK	31/12/2012	Quyết định về việc quyết toán vốn đầu tư xây dựng Trụ sở Công ty CP Tư vấn Thiết kế Viettel tại TPHCM chuyển giá trị xây dựng cơ bản thành tài sản cố định



- d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành : Không có
- e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có
- f) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty  
 Các thành viên HĐQT đều có chứng chỉ đào tạo về quản trị.

## **2. Ban Kiểm soát:**

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: Ban kiểm soát của Công ty có 03 thành viên độc lập không điều hành.

- Danh sách Ban Kiểm Soát:

Họ tên	Chức vụ	Tỉ lệ sở hữu CP	Các chức vụ khác
Hoàng Tuấn Linh	Trưởng BKS	0,052%	Giám đốc Cty TNHH MTV kinh doanh nhà Viettel
Đặng Thị Kim Hoa	Thành viên BKS	0,08%	Phó phòng Kiểm toán nội bộ - Tập đoàn Viễn thông Quân đội
Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên BKS	0,188%	

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Ban kiểm soát Công ty họp định kỳ cùng với các kỳ họp HĐQT. Ban kiểm soát đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong điều lệ của Công ty: Giám sát, kiểm tra, thẩm tra báo cáo tài chính và các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm bảo đảm tính chính xác, trung thực về báo cáo hoạt động của Công ty, đảm bảo quyền lợi của các nhà đầu tư.

- Hàng năm Ban Kiểm soát có báo cáo đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, hoạt động đầu tư của Công ty, đồng thời đưa ra những kiến nghị đối với HĐQT, Đại hội đồng cổ đông thường niên xem xét quyết định.

## **3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:**

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Nhằm đảm bảo quyền lợi và trách nhiệm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đối với việc quản trị, điều hành và kiểm soát quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 được tổ chức vào ngày 26/04/2012 đã thông qua mức thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2012 theo các mức như sau:

STT	Thành phần	Số tiền (đồng)/tháng
1	Ông Hoàng Công Vĩnh - Chủ tịch HĐQT	3.000.000
2	Ông Lê Văn Chí- Thành viên HĐQT	2.000.000
3	Bà Nguyễn Thị Tú Quyên - Thành viên HĐQT	2.000.000
4	Ông Hoàng Tuấn Linh- Trưởng Ban kiểm soát	2.000.000
5	Bà Đặng Thị Kim Hoa - Thành viên Ban kiểm soát	1.000.000
6	Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Thành viên Ban kiểm soát	1.000.000

**Bảng tổng hợp các khoản lương, thù lao của Ban giám đốc, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trong năm 2012:**

Stt	Nội dung	Chức vụ	Năm 2012		
			Thù lao	Thưởng/Chi phí khác	Tổng
<b>I/</b>	<b>Hội đồng Quản trị :</b>		<b>84.000.000</b>	<b>0</b>	<b>84.000.000</b>
1	Hoàng Công Vĩnh	CT. HĐQT	36.000.000	0	36.000.000
2	Lê Văn Chí	TV CT.HĐQT	24.000.000	0	24.000.000
3	Nguyễn Thị Tú Quyên	TV HĐQT	24.000.000	0	24.000.000
<b>II/</b>	<b>Ban Kiểm soát:</b>		<b>48.000.000</b>	<b>0</b>	<b>48.000.000</b>
1	Hoàng Tuấn Linh	Trưởng BKS	24.000.000	0	24.000.000
2	Đặng Thị Kim Hoa	TV BKS	12.000.000	0	12.000.000
3	Nguyễn Thị Thu Hà	TV BKS	12.000.000	0	12.000.000
	<b>Tổng cộng :</b>		<b>132.000.000</b>	<b>0</b>	<b>132.000.000</b>

b) *Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ : không có*

c) *Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có.*

a) *Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty : Mọi hoạt động về quản trị Công ty đều được thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật.*

## **VI. Báo cáo tài chính:**

### **1. Ý kiến kiểm toán:**

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty CP Tư vấn Thiết kế Viettel tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài



chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**2. Báo cáo tài chính năm 2012 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính kế toán và kiểm toán (AASC) :**

**1. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Công ty CP Tư vấn Thiết kế Viettel

Mẫu số B01 -DN

Số 1 Giang Văn Minh, Ba Đình, Hà Nội

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		51.985.706.178	49.968.177.349
I.Tiền và các khoản tương đương tiền	110		25.982.319.033	23.835.606.027
1.Tiền	111	V.01	1.982.319.033	2.835.606.027
2.Các khoản tương đương tiền	112		24.000.000.000	21.000.000.000
II.Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129			
III.Các khoản phải thu ngắn hạn	130		20.116.297.499	20.560.369.298
1. Phải thu của khách hàng	131		20.007.203.240	20.299.976.857
2. Trả trước cho người bán	132		15.399.815	27.448.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	93.694.444	232.944.441
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139			
IV.Hàng tồn kho	140		5.656.802.084	5.447.820.354
1. Hàng tồn kho	141	V.04	5.656.802.084	5.447.820.354
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V.Tài sản ngắn hạn khác	150		230.287.562	124.381.670
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		116.572.137	
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.05		
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	157			
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		113.715.425	124.381.670
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>7.691.213.122</b>	<b>5.591.451.558</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06		
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>7.202.003.424</b>	<b>5.118.061.287</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	3.477.850.024	1.404.907.887
- Nguyên giá	222		4.655.448.868	2.271.805.083
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1.177.598.844)	(866.897.196)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09	-	-
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	3.724.153.400	3.713.153.400
- Nguyên giá	228		3.724.153.400	3.713.153.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	229			
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11		
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>V.12</b>		
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>			
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13		



TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260		489.209.698	473.390.271
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	466.288.186	473.390.271
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21	22.921.512	
3. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270= 100 + 200)	270		59.676.919.300	55.559.628.907
NGUỒN VỐN				
A- NỢ PHẢI TRẢ (300=3 10 + 320)	300		16.576.590.532	21.886.871.331
I.Nợ ngắn hạn	310		16.576.590.532	21.880.651.381
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15		
2. Phải trả cho người bán	312		2.320.091.308	4.756.007.123
3. Người mua trả tiền trước	313		454.314.100	173.400.828
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	1.418.483.402	2.658.319.725
5. Phải trả người lao động	315		6.974.620.605	10.644.598.358
6. Chi phí phải trả	316	V.17	1.614.744.645	
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	3.031.206.357	2.785.598.807
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	V.19	763.130.115	862.726.540
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	327			
II.Nợ dài hạn	330			6.219.950
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19		
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20		
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	325	V.21		
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			6.219.950
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
8. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		43.100.328.768	33.672.757.576
I.Vốn chủ sở hữu	410	V.22	43.100.328.768	33.672.757.576
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		16.000.000.000	16.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		11.015.726.326	4.052.161.726
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.421.271.345	810.432.345
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		14.663.331.097	12.810.163.505
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II.Nguồn kinh phí	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432	V.23		
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430 = 300 + 400)	440		59.676.919.300	55.559.628.907

### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài	24		
2. Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, gia công			
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			



## 2. BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

Đơn vị: Công ty cổ phần Tư vấn Thiết kế Viettel

Mẫu số B02 -DN

Địa chỉ: Số 1 Giang văn Minh - Ba Đình - Hà Nội

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

### BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2012

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I	2	3	6	7
1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	64.487.887.449	59.684.134.940
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
+ Chiết khấu thương mại	05			
+ Giảm giá hàng bán	06			
+ Thuế TTĐB, thuế XK, thuế GTGT theo PP trực tiếp	07			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		64.487.887.449	59.684.134.940
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	41.089.438.993	41.471.958.561
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		23.398.448.456	18.212.176.379
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	2.846.860.143	3.193.624.885
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.28		
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		9.467.355.844	5.092.761.264
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh { 30 = 20 + (21 - 22) - (24+25)}	30		16.777.952.755	16.313.040.000
11. Thu nhập khác	31		23.831.281	
12. Chi phí khác	32		11.392.092	
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		12.439.189	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		16.790.391.944	16.313.040.000
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	4.252.735.464	4.096.260.000
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30	(22.921.512)	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		12.560.577.992	12.216.780.000
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		7.850	7.635

### 3- BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế Viettel

Địa chỉ : Số 1 Giang Văn Minh - Ba Đình - Hà Nội

### BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

( Theo phương pháp trực tiếp)

NĂM 2012

Đơn vị tính : đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3		4
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động SXKD</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp DV và doanh thu khác	01		68.447.436.562	54.832.300.048
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(26.492.050.134)	(28.384.829.524)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(24.250.711.116)	(20.797.550.368)
4. Tiền chi trả lãi vay	04			
5. Tiền chi nộp thuế TNDN	05		(4.919.022.705)	(3.276.111.711)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		4.458.961.753	4.344.335.557
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(13.372.367.709)	(4.281.139.263)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD</b>	<b>20</b>		<b>3.872.246.651</b>	<b>2.437.004.739</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(2.383.643.785)	(5.035.552.400)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.986.110.140	2.779.458.341
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>602.466.355</b>	<b>(2.256.094.059)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của	32			



Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3		4
của doanh nghiệp đã phát hành	33			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	34			
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.328.000.000)	(1.800.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(2.328.000.000)</b>	<b>(1.800.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>2.146.713.006</b>	<b>(1.619.089.320)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>23.835.606.027</b>	<b>25.454.695.347</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>VII.34</b>	<b>25.982.319.033</b>	<b>23.835.606.027</b>

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY  
GIÁM ĐỐC



Thượng tá  
**LÊ VĂN CHÍ**

